|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT....... TRƯỜNG TH&THCS …………** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2021-2022 MÔN: Ngữ văn 6 (thời gian: 90p - không kể thời gian giao đề)** |

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

***Đọc kĩ các câu sau rồi chọn câu trả lời đúng nhất ghi vào giấy kiểm tra***

**Câu 1. Trong các truyện sau truyện nào là truyện cổ tích?**

A. Em bé thông minh B. Bánh chưng, bánh giầy  
C. Sự tích Hồ Gươm D. Con Giồng cháu tiên

**Câu 2. Các từ láy nào thường được dùng để tả tiếng cười?**

A. Hả hê B. Héo mòn  
C. Khanh khách D. Vui cười

**Câu 3. Câu nào sau đây có trạng ngữ chỉ nơi chốn?**

A. Lập tức, vua cho gọi cả hai cha con vào ban thưởng rất hậu.  
B. Thu về, khi lá bàng vẫn còn xanh, gốc bàng là nơi tụ họp của chúng.  
C. Giữa sân trường, chúng em chơi nô đùa.  
D. Những cô bé ngày nào nay đã trưởng thành.

**Câu 4. Truyền truyền thuyết là ?**

A. Là thể loại truyện dân gian, thường kể về sự kiện, nhân vật lịch sử hoặc liên quan đến lịch sử.  
B. Là truyện có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hóa. Các nhân vật này mang đặc điểm vốn có của loài vật hoặc đồ vật.  
C. Là truyện dân gian kể về sự tích các loài vật, đồ vật..  
D. Vì nó kể lại một câu chuyện với những tình tiết li kì hấp dẫn.

**Câu 5. Ý nào dưới đây không thể hiện đặc điểm của nhân vật truyền thuyết?**

A. Nhân vật là những người bình thường, nghèo khổ.  
B. Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn đối với cộng đồng.  
C. Là nhân vật bất hạnh.  
D. Là những người thông minh.

**Câu 6. Ý nào sau đây không nói về định hướng khi viết bài văn kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ** **tích?**

A. Viết y nguyên câu chữ trong truyện. B. Thay đổi từ ngữ, cách đặt câu.  
C. Thêm các yếu tố miên tả. D. Thêm một vài chi tiết.

**II. Tự luận (7 điểm)**

Câu 1: (1 điểm): Đặt một câu miêu tả khí thế chiến thắng của nghĩa quân Lam Sơn có dùng thành ngữ “chết như rạ”.

Câu 2: ( 6 điểm) Kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích bằng lời văn của em.

**Đáp án đề kiểm tra giữa học kì 1 môn Ngữ văn 6 năm 2021 - 2022**

**I. Trắc nghiệm: 3 điểm (Mỗi câu đúng 0,5 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** |
| **Đáp án** | **A** | **C** | **C** | **A** | **B** | **A** |

**II. Phần tự luận : (7 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 1** | - Đặt được câu hoàn chỉnh có thành ngữ  “chết như rạ”.  - Câu văn miêu tả đúng nội dung. | **0,5**  **0,5** |
| **Câu 2** | a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn tự sự: có đầy đủ Mở bài, Thân bài, Kết bài. | **0,5** |
| b. Xác định đúng vấn đề | **0,5** |
| c. Triển khai vấn đề:  a. Mở bài  Giới thiệu hoặc nêu lí do kể lại truyện truyền thuyết hoặc cổ tích đó.  b. Thân bài  Kể diễn biến câu chuyện truyền thuyết hoặc cổ tích theo một trình tự của chuỗi sự việc:  - Sự việc khởi đầu- Sự việc phát triển- Sự việc cao trào- Sự việc kết thúc  c. Kết bàiSuy nghĩ về câu chuyện đã kể | **0,5**  **0,5**  **1,0**  **1,0**  **0,5**  **0,5** |
| d. Sáng tạo: HS có cách kể chuyện độc đáo, linh hoạt. | **0,5** |
| e. Chính tả: dùng từ, đặt câu, đảm bảo chuẩn ngữ pháp, ngữ nghĩa TV. | **0,5** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT……….. TRƯỜNG TH&THCS ……….** | **MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2021 - 2022** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA  
MÔN: NGỮ VĂN 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận biết** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | |  |
| **Số CH** | **Thời gian**  **(phút)** | **Số CH** | **Thời gian**  **(phút)** | **Số CH** | **Thời gian**  **(phút)** | **Số CH** | **Thời gian**  **(phút)** | **TN** | **TL** | **Thời gian**  **(phút)** |  |
| **1** | **Đọc hiểu văn bản** | 1.1 Đọc hiểu văn bản  - Lắng nghe lịch sử nước mình  - Miền cổ tích | 3 | 6 |  |  |  |  |  |  | 3 |  | 6 | 15 |
| **2** | **Thực hành Tiếng Việt** | 1.2 Tiếng Việt  - Từ láy, trạng ngữ  - Đặt câu có thành ngữ | 2 | 4 |  |  | 1 | 5 |  |  | 2 | 1 | 9 | 20 |
| **3** | **Tập làm văn** | 1.3 Tập làm văn  - Yêu cầu về viết bài văn kể  -Viết văn: kiểu văn bản kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích | 1 | 2 |  |  |  |  | 1 | 73 | 1 | 1 | 75 | 65 |
| **Tổng** | | | **5** | **12** |  |  | **1** | **5** | **1** | **73** | **6** | **2** | **90** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30** | |  | | **10** | | **60** | | **30** | **70** | **100** | **100** |
| **Tỉ lệ chung %** | | | **30** | | | | **70** | | | | **30** | **70** | **100** | **100** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA  
MÔN: NGỮ VĂN 6 - THỜI GIAN: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dung cao** |
| **1** | **Đọc hiểu văn bản** | Văn bản truyện cổ tích  Tri thức về truyện truyền thuyết | - Nhận biết các văn bản đã học thuộc kiểu cổ tích hoặc truyền thuyết  - Nhận biết khái niệm truyện truyền thuyết | 2 |  |  |  |
| Thể loại truyện truyền thuyết | - Nhận biết được kiểu nhân vật trong truyện truyền thuyết | 1 |  |  |  |
| **2** | **Thực hành Tiếng Việt** | Từ láy  Trạng ngữ | Nhận biết được từ láy  Nhận biết được trang ngữ chỉ nơi chốn trong câu | 2 |  |  |  |
| Đặt câu có thành ngữ | Vận dụng đặt câu có thành ngữ “chết như rạ” |  |  | 1 |  |
| **3** | **Phần lí thuyết tập làm văn** | Đặc điểm kiểu văn kể | Nhận diện được yếu tố không nên sử dụng khi làm văn kể | 1 |  |  |  |
| **Thực hành viết** | Viết văn kể | Vận dụng kỹ năng viết văn kể lại truyện truyền thuyết hoặc cổ tích đã học |  |  |  | 1 |
| ***Tổng*** | | | | ***6*** |  | ***1*** | ***1*** |